

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22821401] - Đồ án Điện công
nghiệp (CCQ2305A)

Số SV có mặt: 110
Số bài thi: 110

CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (TG28 Số tờ giấy thi: 110)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật	An	04/05/2005	CCQ2305D		An	9,0	9,0	9,0
2	2122050070	Thiên Đại	Anh	11/08/2004	CCQ2205C		Anh	7,0	6,8	6,9
3	2123050046	Nguyễn Văn	Bắc	15/02/2005	CCQ2305A		Bac	8,5	8,0	8,2
4	2123050162	Nguyễn Ngọc Gia	Bào	29/10/2005	CCQ2305D					
5	2123050061	Huỳnh Dương	Bình	08/04/2004	CCQ2305B		Binh	9,0	6,0	7,2
6	2123050060	Lê Văn	Cang	19/08/2005	CCQ2305B		Cang	9,0	6,3	7,4
7	2123050142	Đỗ Thanh	Cao	22/06/2005	CCQ2305D					
8	2123050044	Lê Thế	Chung	07/08/2005	CCQ2305A					
9	2123050216	Nại Hoàng	Chương	11/02/2004	CCQ2305E		Chun	7,5	7,5	7,5
10	2123050133	Hán Nhật	Cương	31/07/2005	CCQ2305C			5,0	5,0	5,0
11	2122180096	Trần Quốc	Cường	23/05/2004	CCQ2218C			7,0	7,3	7,2
12	2123050188	Châu Du	Dân	18/05/2005	CCQ2305A			5,5	0	2,2
13	2123050054	Nguyễn Lộc Ngọc	Đăng	24/07/2005	CCQ2305B		Dang	9,0	6,3	7,4
14	2123050084	Lê Văn	Danh	10/11/1997	CCQ2305B		Dan	9,0	7,8	8,3
15	2123050072	Võ Quang	Đạt	01/11/2005	CCQ2305B		Dat	9,5	7,3	8,2
16	2123050171	Não Văn	Diên	02/05/2005	CCQ2305D		Dien	8,0	7,0	7,4
17	2123110121	Nguyễn Thanh	Đồng	16/07/2005	CCQ2305E		Dong	7,5	7,9	7,5
18	2123050189	Lê Thanh	Đồng	18/06/2005	CCQ2305D					
19	2123050205	Đỗ Thế	Đức	24/09/2005	CCQ2305E		Duc	7,5	7,5	7,5
20	2123050220	Võ Trương	Đức	19/05/2005	CCQ2305E		Duc	9,0	9,0	9,0
21	2123050115	Trương Quốc	Dũng	19/05/2005	CCQ2305C		Dung	5,0	7,5	6,5
22	2123050217	Bùi Quốc	Duy	06/01/2004	CCQ2305D		Duy	8,0	8,8	8,5
23	2123050167	Đặng Đức	Duy	08/11/2005	CCQ2305D			8,0	8,5	8,3
24	2123050196	Hán Tấn	Duy	26/03/2005	CCQ2305E		Du	8,5	7,8	8,1
25	2123050140	Nguyễn Phạm Mạnh	Duy	30/09/2005	CCQ2305D		Duy	8,0	9,0	8,6
26	2123050036	Nguyễn Quốc	Duy	11/02/2005	CCQ2305A		Du	8,5	7,8	8,1
27	2123050019	Ngụy Thành	Giăng	01/05/2005	CCQ2305A		Ja	8,5	8,0	8,2
28	2122180005	Đoàn Tất	Giáp	01/08/2004	CCQ2205C		Giap	8,0	7,5	7,7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22821401] - Đồ án Điện công
nghiệp (CCQ2305A)

Số SV có mặt: 110

Số bài thi: 110

CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (TG28 Số tờ giấy thi: 110)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123050058	Bùi Minh Hải	07/10/2005	CCQ2305B			8,5	7,3	7,8
30	2123050139	Trần Đức Hải	01/06/2005	CCQ2305C			5,0	7,3	6,4
31	2123050146	Lê Tuấn Hào	21/12/2005	CCQ2305D					
32	2123050202	Mai Nhật Hào	23/11/2004	CCQ2305E			8,5	8,3	8,4
33	2123050212	Phạm Trần Gia Hào	09/08/2002	CCQ2305A					
34	2123050134	Bá Trung Hiếu	05/08/2005	CCQ2305C			9,0	7,5	6,5
35	2123050136	Nguyễn Văn Hiếu	12/03/2005	CCQ2305C			5,7	6,0	5,9
36	2123050128	Trần Duy Hiếu	14/11/2005	CCQ2305C			5,1	7,5	6,5
37	2123110113	Triệu Trung Hiếu	04/05/2005	CCQ2305A			8,5	7,5	7,9
38	2123050186	Nguyễn Ngọc Hòa	23/10/2005	CCQ2305C			5,6	7,5	6,7
39	2123050008	Nguyễn Thái Hòa	02/06/2005	CCQ2305A			9,0	8,8	8,9
40	2123050082	Phan Hữu Hội	21/09/2005	CCQ2305B			9,5	8,0	8,6
41	2123050092	Phạm Ngọc Huân	21/04/2005	CCQ2305C			5,5	7,5	6,7
42	2123050099	Nguyễn Thanh Hùng	17/06/2003	CCQ2305C			5,0	7,0	6,2
43	2123050010	Nguyễn Thế Hùng	24/04/2004	CCQ2305A					
44	2123050057	Trần Phúc Hưng	18/08/2005	CCQ2305B			9,5	8,3	8,8
45	2123050011	Huỳnh Tường Huy	11/10/2005	CCQ2305A			8,5	8,3	8,4
46	2123050004	Nguyễn Quốc Hoàng Huy	15/09/2005	CCQ2305A			9,0	8,8	8,9
47	2123050228	Phạm Quang Huy	08/06/2005	CCQ2305E			8,0	8,8	8,5
48	2122050054	Vũ Gia Huy	04/06/2004	CCQ2205B					
49	2121050013	Nguyễn Ngọc Kha	21/11/2003	CCQ2105A			7,0	0	2,8
50	2123050074	Nguyễn Văn Kha	13/07/2004	CCQ2305B			8,5	5,3	6,6
51	2123050178	Trần Duy Khang	20/08/2004	CCQ2305A			9,0	7,8	8,3
52	2123050190	Trần Hữu Nam Khánh	19/11/2005	CCQ2305D			8,0	7,5	7,7
53	2123050077	Đỗ Minh Khoa	15/01/2005	CCQ2305B			7,0	8,0	7,6
54	2123050110	Đỗ Tấn Khoa	06/11/2005	CCQ2305C			5,0	7,8	6,7
55	2123050083	Nguyễn Trần Đăng Khoa	30/08/2005	CCQ2305B			7,0	5,5	6,1
56	2123050199	Sử Ngọc Khoa	21/06/2005	CCQ2305E			9,0	8,8	8,9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22821401] - Đồ án Điện công
nghiệp (CCQ2305A)

Số SV có mặt: 110
Số bài thi: 110

CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (TG28 Số tờ giấy thi: 110)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2122180069	Võ Đăng	Khoa	17/04/2004	CCQ2218C	-		7,0	0	2,8
58	2123050219	Phạm Trọng	Khôi	04/07/2005	CCQ2305E					
59	2123050015	Đỗ Tuấn	Kiệt	20/04/2005	CCQ2305A		<u>Kiệt</u>	8,0	8,0	8,0
60	2123050089	Huỳnh Văn	Lâm	10/10/2005	CCQ2305B		<u>Lâm</u>	8,5	8,0	8,2
61	2123050135	Bá Trung	Lê	05/08/2005	CCQ2305C		<u>Trung</u>	9,0	8,0	6,8
62	2123050198	Phạm Thanh	Liên	23/08/2004	CCQ2305E					
63	2123050179	Thạch Hoàng	Linh	12/10/2004	CCQ2305D		<u>Thạch</u>	9,0	8,3	8,6
64	2123050073	Lâm Gia	Long	20/04/2005	CCQ2305B		<u>Long</u>	8,5	8,3	8,4
65	2122180082	Văn Thành	Long	10/12/2004	CCQ2218C		<u>Thành</u>	7,0	7,3	7,2
66	2123050052	Nguyễn Thành	Luân	05/09/2005	CCQ2305B		<u>Thành</u>	7,0	6,0	6,4
67	2123050138	Phạm Nguyễn Công	Luận	30/01/2005	CCQ2305C		<u>Luân</u>	9,0	6,0	9,6
68	2123050078	Bùi Đình	Luật	29/10/2002	CCQ2305B		<u>Đình</u>	7,0	7,3	7,2
69	2123050209	Hoàng Đăng	Luật	26/09/1996	CCQ2305E		<u>Đăng</u>	7,9	7,9	7,9
70	2123050109	Lâm Văn	Lực	29/01/2005	CCQ2305C		<u>Văn</u>	7,9	6,0	6,6
71	2123050020	Đạt Ngọc	Lý	15/05/2005	CCQ2305A		<u>Đạt</u>	7,0	6,0	6,4
72	2123050007	Vũ Văn	Mạnh	25/09/2005	CCQ2305A		<u>Mạnh</u>	7,0	8,9	7,9
73	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C		<u>Minh</u>	9,0	7,8	8,3
74	2123050169	Đặng Hoài	Nam	22/08/2005	CCQ2305D					
75	2123050069	Bùi Đại	Nghĩa	12/08/1998	CCQ2305B					
76	2123050053	Đinh Quang	Nghiệp	23/08/2005	CCQ2305B		<u>Quang</u>	7,0	7,8	7,9
77	2123050141	Vũ Xuân	Nguyên	16/11/2005	CCQ2305D		<u>Xuân</u>	8,0	7,9	7,7
78	2123050070	Phạm Trọng	Nhân	15/07/2005	CCQ2305B		<u>Trọng</u>	8,0	6,5	7,1
79	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhật	17/04/2005	CCQ2305C		<u>Hoàng</u>	6,0	9,3	9,6
80	2123050100	Nguyễn Trung	Niên	16/12/2004	CCQ2305C					
81	2123050126	Nguyễn Đình	Ninh	24/10/2005	CCQ2305C		<u>Đình</u>	6,0	9,3	9,6
82	2123050234	Lương Thanh	Nờ	01/12/2005	CCQ2305E					
83	2123050143	Cao Lâm Triều	Phát	19/01/2004	CCQ2305D		<u>Triều</u>	8,0	8,3	8,2
84	2123050194	Hán Ngọc	Phiếu	17/03/2005	CCQ2305B		<u>Ngọc</u>	9,0	8,5	8,7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22821401] - Đồ án Điện công
nghiệp (CCQ2305A)

CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (TG28 Số tờ giấy thi: 1.10)

Số SV có mặt: 110

Số bài thi: 1.10

Số SV có mặt: 110

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
85	2123050051	Bùi Hải Phong	10/02/2005	CCQ2305B		Phong	8,0	8,0	8,0
86	2123050063	Cao Xuân Phong	24/10/2005	CCQ2305B		Phong	7,0	6,0	6,6
87	2123050121	Mai Võ Tuấn	10/09/2005	CCQ2305C					
88	2123050213	Trần Huy Phú	02/02/2003	CCQ2305A		Phu	8,0	8,5	8,3
89	2123050129	Bùi Văn Phúc	23/03/2005	CCQ2305C		Phu	6,5	6,3	6,4
90	2123050125	Nguyễn Hoàng Phúc	08/09/2005	CCQ2305C		Phu	7,5	6,5	6,9
91	2123050130	Nguyễn Thanh Phúc	25/03/2004	CCQ2305C		Phu	6,5	5,5	5,9
92	2123050147	Phạm Huỳnh Phúc	18/02/2005	CCQ2305D		Phu	8,0	8,0	8,0
93	2123050226	Lê Văn Phụng	25/11/2003	CCQ2305E					
94	2123050227	Báo Tuấn Phương	25/10/2005	CCQ2305E		Phu	5,5	6,3	5,8
95	2119050091	Phạm Ngọc	19/10/2001	CCQ1905C					
96	2123050095	Đặng Thanh Quân	04/01/2005	CCQ2305C		Quân	8,0	8,0	8,0
97	2123050091	Trần Anh Quân	26/12/2005	CCQ2305B			2,0	0	0,8
98	2123050101	Nguyễn Anh Quang	25/05/2005	CCQ2305C		Quang	6,0	5,8	5,9
99	2123050032	Phạm Minh Quý	03/03/2004	CCQ2305A		Qui	9,0	8,0	8,4
100	2123050107	Phạm Huỳnh Quốc	15/11/2005	CCQ2305C		Quốc	8,0	6,5	7,1
101	2123050158	Quảng Đại Sang	19/10/2005	CCQ2305D		Sang	8,0	8,0	8,0
102	2123050067	Nguyễn Đoàn Trường Sơn	28/10/2005	CCQ2305B			3	0	1,2
103	2123050009	Nguyễn Thái Sơn	02/06/2005	CCQ2305A		Son	8,0	9,0	8,6
104	2123050230	Trịnh Công Sơn	11/10/2005	CCQ2305E					
105	2123050055	Trần Thanh Tâm	30/10/2005	CCQ2305B					
106	2123050090	Đỗ Nhật Tân	19/04/2005	CCQ2305C		Phu	7,5	7,5	7,5
107	2123050045	Hồ Thanh Tấn	10/08/2005	CCQ2305A		Phu	7,0	7,5	7,3
108	2123050157	Trương Ngọc Thái	04/09/2005	CCQ2305D		Phu	8,0	8,5	8,3
109	2123050195	Vũ Tiến Thanh	30/09/2005	CCQ2305E		Phu	9,0	9,0	9,0
110	2123050120	Đặng Mậu Thành	15/06/2005	CCQ2305C		Phu	7,0	8,0	7,6
111	2123050233	Nguyễn Tấn Thành	04/07/2005	CCQ2305A		Phu	7,0	7,0	7,0
112	2123050191	Võ Triệu Thiên	01/05/2005	CCQ2305D		Phu	8,0	9,0	8,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22821401] - Đồ án Điện công
nghiệp (CCQ2305A)

Số SV có mặt: 110
Số bài thi: 110

CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (TG28 Số tờ giấy thi: 110)

[Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors]

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
113	2123050075	Nguyễn Hoài	Thịnh	08/05/2005	CCQ2305B				
114	2123050223	Trần Nhật	Thịnh	15/02/2005	CCQ2305E				
115	2123050068	Nguyễn Trung	Thoại	07/01/2005	CCQ2305B	Thoại	8,0	7,5	7,7
116	2123050059	Cao Thiên	Thông	10/04/2005	CCQ2305B	Th	8,0	8,0	8,0
117	2123050097	Nguyễn Văn	Thông	01/11/2005	CCQ2305C	Thông	7,0	8,4	7,8
118	2123050207	Nguyễn Phước	Tiến	20/01/2002	CCQ2305E				
119	2123050187	Phạm Công	Tiến	20/04/2005	CCQ2305D	Th	8,0	8,0	8,0
120	2123050047	Nguyễn	Toàn	21/04/2005	CCQ2305A	T	8,0	8,0	8,0
121	2123050132	Nguyễn Đức	Toàn	17/02/2003	CCQ2305C	Đ	8,0	8,5	8,3
122	2122060061	Triệu Minh	Toàn	30/10/2004	CCQ2205D	Toàn	7,0	8,5	7,9
123	2123050102	Nguyễn Quốc	Toàn	05/05/2005	CCQ2305C	Toàn	8,0	9,0	8,6
124	2123050056	Nguyễn Công	Trí	28/06/2005	CCQ2305B				
125	2123050042	Nguyễn Văn	Trí	24/08/2005	CCQ2305A	TRÍ	7,0	8,0	7,6
126	2123050114	Trần Minh	Trọng	22/12/2005	CCQ2305C	T	8,0	7,8	7,9
127	2123050164	Nguyễn Lê Thành	Trung	19/06/2005	CCQ2305D	T	8,0	8,5	8,3
128	2123050030	Trần Hưng	Trung	23/07/2005	CCQ2305A	H	8,0	7,9	7,7
129	2123050148	Bùi Đan	Trường	13/04/2005	CCQ2305D	T	8,0	8,3	8,2
130	2123050231	Đồng Văn	Trường	06/01/2005	CCQ2305E				
131	2123050029	Kiều Đan	Trường	18/06/2005	CCQ2305A	D	7,0	7,3	7,2
132	2123050005	Nguyễn Huy	Tú	31/08/2005	CCQ2305A	T	8,5	6,8	7,5
133	2123050093	Bùi Duy	Tuấn	12/12/2005	CCQ2305C	T	9,0	7,3	8,0
134	2123050066	Lê Anh	Tuấn	22/08/2005	CCQ2305B				
135	2123050123	Trần Nhật	Tường	12/08/2005	CCQ2305C	Luong	9,0	6,4	7,4
136	2123050159	Châu Ngọc	Tuy	05/01/2005	CCQ2305D	T	8,0	7,3	7,6
137	2123050081	Tô Quốc	Tuyền	13/09/2005	CCQ2305B		5,0	0	2,0
138	2123050071	Nguyễn Anh	Văn	29/04/2005	CCQ2305B		1	0	0,4
139	2123050154	Lê Tiến Anh	Việt	03/07/2005	CCQ2305D	Việt	8,0	7,5	7,7
140	2123050156	Trịnh Minh	Vọng	07/02/2005	CCQ2305D	V	8,0	7,8	7,9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22821401] - Đồ án Điện công
nghiệp (CCQ2305A)

Số SV có mặt: 110
Số bài thi: ... 110 ..

CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (TG28 Số tờ giấy thi: 110).

[Handwritten signatures and names: Phạm T. Sinh, Bùi Quốc Thach, Phạm T. Sinh, Bùi Quốc Thach]

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
141	2123050106	Phạm Long	Vũ	13/02/2005	CCQ2305C		<i>[Signature]</i>	9,0	8,5	8,7
142	2123050027	Nguyễn Triệu	Vỹ	28/11/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	8,3	7,0	7,5
143	2123050049	Nguyễn Công	Ý	14/07/2005	CCQ2305B			9,0	0	2,0